TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Đương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Xuân Hiền**

2. Ông **Phạm Hồng Lưu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Khánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**.

Trụ sở: Số B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nay là: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Đức T**, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024) (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Bùi Trần Lan A**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ (Nay là: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24/11/2022, bà Bùi Trần Lan A có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Lan A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Lan A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lan A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 500.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Lan A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lan A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 25/7/2025, bà Lan A còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 11.245.199 đồng; Lãi quá hạn: 13.017.024 đồng. Tổng cộng là 24.262.223 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Lan A có trách nhiệm thanh toán nhưng bà Lan A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Trần Lan A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/7/2025 là 24.262.223 đồng (Trong đó: Dư nợ gốc: 11.245.199 đồng; lãi quá hạn: 13.017.024 đồng). Đồng thời, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 26/07/2025 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Trần Lan A vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến trình bày.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; Những người

tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 24.262.223 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 11.245.199 đồng; lãi quá hạn: 13.017.024 đồng). Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh tính từ ngày 26/7/2025 cho đến khi trả dứt vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật giữa các bên đương sự là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, vào ngày 24/11/2022, bà Bùi Trần Lan A có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,77%/tháng. Quá trình sử dụng vốn vay, bà Lan A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.500.000 đồng. Theo Hợp đồng thì giữa bà Lan A và Ngân hàng có thỏa thuận thời hạn thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch. Nếu ngày đến hạn rơi vào ngày nghỉ, lễ

theo quy định pháp luật hoặc thông báo của Ngân hàng, ngày đến hạn thực hiện theo thông báo của Ngân hàng T1 từng thời kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lan A chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 500.000 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Lan A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lan A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên đến ngày 11/04/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/7/2025, bà Lan A còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 11.245.199 đồng; Lãi quá hạn: 13.017.024 đồng. Tổng cộng là 24.262.223 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 11.245.199 đồng với lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng (2,77% x 150%). Đến nay, bà Lan A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tống đạt, thông báo cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Bùi Trần Lan A phải trả tổng số tiền là 24.262.223 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 11.245.199 đồng; Lãi quá hạn: 13.017.024 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Lan A phải tiếp tục trả lãi của khoản vay từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn bà Bùi Trần Lan A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 24.262.223 đồng *(hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi ba đồng)*. Trong đó: Nợ gốc: 11.245.199 đồng; lãi quá hạn: 13.017.024 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng giữa bà Bùi Trần Lan A và Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Trần Lan A phải chịu 1.213.111 đồng *(một triệu hai trăm mười ba nghìn một trăm mười một đồng).*

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 455.312 đồng *(bốn trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm mười hai đồng)* theo biên lai thu số 00148259 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 4-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 4-Cần Thơ;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đương